|  |  |
| --- | --- |
| HỌ TÊNLỚP : |  **KIỂM TRA GIỮA KỲ II MÔN ĐỊA LÍ 9** **NĂM HỌC 2021-2022** **Thời gian: 45 phút****ĐỀ 1** |

**Chọn phương án đúng:**

**Câu 1: Những thành phố nào sau đây của Đông Nam Bộ tiếp giáp với biển?**

A.TP.Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu B.Đồng Nai, Tây Ninh

C.Bình Dương, Bình Phước D.TP.Hồ Chí Minh, Đồng Nai.

**Câu 2: Ngành chăn nuôi gia súc gia cầm ở Đông Nam Bộ được chú trọng theo phương pháp chăn nuôi công nghiệp đúng hay sai?**

A.Đúng B.Sai

**Câu 3**: **Trung tâm kinh tế lớn nhất đồng bằng sông Cửu Long là?**

A.Mỹ Tho B.Long xuyên C.Cần Thơ D.Cà Mau

**Câu 4: Khu vực đất liền của ĐNB không có đặc điểm tự nhiên nào sau đây?**

A.Địa hình thoải B.Nhiều đất bazan, đất xám.

C.Khí hậu cận xích đạo D.Thềm lục địa nông.

**Câu 5: Khó khăn lớn nhất về khí hậu đối với đời sống và sản xuất ở Đông Nam Bộ là gì?**

A.Lũ lụt thường xuyên B.Mùa khô kéo dài 4 -5 tháng

 C.Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc D.Triều cường dâng cao.

**Câu 6: Để biểu hiện cơ cấu sản lượng thủy sản và giá trị sản xuất thủy sản của đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước, thích hợp nhất là biểu đồ:**

A.Tròn B.Cột C.Miền D.Kết hợp

**Câu 7: Nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản của ĐBSCL với cả nước năm 2014?**

A.Chiếm 59% cả nước B.Chiếm 57,2% cả nước

C. Chiếm 57,1% cả nước. D. Chiếm 50% cả nước.

**Câu 8: Tài nguyên nào sau đây có trữ lượng lớn và giá trị kinh tế cao ở Đông Nam Bộ?**

A.Bôxit B.Sét, cao lanh C.Dầu mỏ D.Nước khoáng

**Câu 9: Quần đảo nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ**

A.Lý sơn B.Phú Quốc C. Côn Đảo D.Thổ Chu

**Câu 10: Trong việc phát triển kinh tế, ĐNB không gặp những khó khăn nào về tự nhiên sau đây?**

A.Trên đất liền ít khoáng sản B.Thềm lục địa nông, rộng

C.Diện tích rừng tự nhiên thấp. D.Nguy cơ ô nhiễm môi trường.

**Câu 11: Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với biển Đông ở phía?**

A.Tây B.Bắc C.Đông Nam D.Tây, Nam

**Câu 12: Tỉnh nào sau đây của đồng bằng sông Cửu Long không giáp biển?**

A.Bến Tre B.Bạc Liêu C.Trà Vinh D.An Giang

**Câu 13: Trong cơ cấu công nghiệp vùng ĐB.sông Cửu Long, ngành có tỉ trọng lớn nhất là?**

A. Sản xuất hàng tiêu dùng B.Sản xuất vật liệu xây dựng

C. Chế biến lương thực, thực phẩm D.Cơ khi nông nghiệp

**Câu 14: Loại đất nào sau đây có giá trị kinh tế lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long?**

A.Đất phù sa ngọt B.Đất phèn B.Đất mặn D.Đất feralit

**Câu1 5: Biển – đảo của vùng đồng bằng sông Cửu Long không có đặc điểm nào sau đây?**

A.Nguồn hải sản phong phú B.Biển ấm, ngư trường rộng lớn

C.Có nhiều đảo và quần đảo D.Dầu mỏ có trữ lượng lớn nhất nước ta.

**Câu 16:Khu vực đồng bằng song Cửu Long, Đất phèn, đất mặn chiếm bao nhiêu triệu ha** ?

A.2,2 triệu ha B.2,3 triệu ha C.2,4 triệu ha D.2,5 triệu ha

**Câu 17:Cây ăn quả được trồng nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long là?**

A.xoài, dừa, cam, bưởi B.vải thiều, nhãn, táo C.chuối, cam, nhãn D.vải thiều, bưởi, dừa

**Câu 18: Ý nào sau đây không phải đặc điểm vị trí địa lí của vùng ĐNB?**

A.Tiếp giáp với Lào và Cam-pu-chia B.Tiếp giáp với vùng Bắc Trung Bộ.

C.Có vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng giàu khí D. Gần đường hàng hải quốc tế.

**Câu 19: Những tỉnh nào sau đây của ĐNB tiếp giáp với Cam -pu-chia?**

A.Bình Dương, Bình Phước B.Tây Ninh, Bình Phước

C.Đồng Nai, Bà Rịa -Vũng Tàu D.Bình Dương, Đồng Nai.

**Câu 20: Vùng ĐNB không tiếp giáp với vùng nào sau đây?**

A.Duyên hải Nam Trung Bộ B.Bắc Trung Bộ

C.Tây Nguyên D.Đồng bằng sông Cửu Long

**Câu 21**: **Sông nào không chảy trong vùng Đông Nam Bộ?**

A.Sông Đồng Nai B.Sông Bé C.Sông Sài Gòn D. Sông Ba

**Câu 22: Đặc điểm cơ cấu GDP của ĐNB là:**

A.khu vực nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỉ trọng lớn nhất

B. Khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm tỉ trọng lớn nhất

C.khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn nhất

D. cả 3 khu vực có tỉ trọng tương đương.

**Câu 23: Trung tâm công nghiệp lớn nhất ĐNB là?**

A.Thủ Dầu Một B.Biên Hòa C.TP. Hồ Chí Minh D. Vũng Tàu

**Câu 24: Cho bảng số liệu sau:**

Tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, năm 2015 (Đơn vị: Triệu USD)

|  |  |
| --- | --- |
| Vùng | Vốn đầu tư |
| Cả nước | 281.882,5 |
| Đông Nam Bộ | 122544,5 |
| Vùng khác | 159338,0 |

Vùng ĐNB chiếm bao nhiêu % tổng số vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 2015?

A.43,5% B.56,6% C.34,4% D.65,6%

**Câu 25: Cây công nghiệp nào sau đây có diện tích lớn nhất Đông Nam Bộ?**

A.Cà phê B.Cao su C.Điều D.Chè

**Câu 26: Ngành công nghiệp ở Đông Nam Bộ không có đặc điểm nào sau đây?**

A.Công nghiệp chiếm tỉ trọng lớn trong GDP B.Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng

C.Trung tâm công nghiệp lớn nhất là Biên Hòa D.Các trung tâm công nghiệp dày đặc

**Câu 27: Vùng Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với vùng nào sau đây?**

A.Bắc Trung Bộ B.Duyên hải Nam Trung Bộ C.Tây Nguyên D.Đông Nam Bộ

**Câu 28: Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa lần lượt thuộc tình/thành phố nào?**

A.Quảng Ninh, Khánh Hoà B.Quảng Ngãi, Đà Nẵng

C.Đà Nẵng, Khánh Hoà D. Khánh Hoà, Đà Nẵng

**Câu 29:Thành phố Hồ Chí Minh luôn dẫn đầu hoạt động xuất khẩu của vùng Đông Nam Bộ đúng hay sai?**

A.Đúng B.Sai

**Câu 30: Cho bảng số liệu “Sản lượng dầu thô khai thác và dầu thô xuất khẩu nước ta năm 2000 – 2015 (triệu tấn)”**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sản lượng | 2000 | 2005 | 2010 | 2015 |
| Dầu thô khai thác | 16,3 | 18,5 | 15,0 | 18,7 |
| Dầu thô xuất khẩu | 15,4 | 18,0 | 8,1 | 9,2 |

**Nhận xét nào sau đây không đúng với bảng số liệu trên?**

A.Dầu thô khai thác có nhiều biến động qua các năm.

B.Dầu thô xuất khẩu có nhiều biến động.

C.Dầu thô khai thác luôn lớn hơn dầu thô xuất khẩu.

D.Dầu thô khai thác nhỏ hơn dầu thô xuất khẩu.

**Câu 31: Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây trồng ở ĐNB là**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thủy lợi  | B. Phân bón  |
| C. Bảo vệ rừng đầu nguồn  | D. Phòng chống sâu bệnh |

**Câu 32: Ngành nông nghiệp ở Đông Nam Bộ không có thế mạnh về:**

|  |  |
| --- | --- |
| A. cây ăn quả | B. cây công nghiệp lâu năm |
| C. cây công nghiệp hàng năm | D. cây lương thực |

**Câu 33: Nhà máy thủy điện nào sau đây không thuộc vùng Đông Nam Bộ?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Trị An | B. Cần Đơn | C. Đa Nhim | D. Thác Mơ |

**Câu 34: Các địa phương ở Đông Nam Bộ đang đầu tư để bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn, xây dựng hồ chứa nước và gìn giữ sự đa dạng sinh học của rừng ngập mặn ven biển là đúng hay sai?**

A. Đúng B. Sai

**Câu 35: Khó khăn trong sản xuất công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là ?**

A. Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

B. Chất lượng môi trường đang bị suy giảm.

C. Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất,Chất lượng môi trường đang bị suy giảm.

D. Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, thiếu nhân công

**Câu 36: Diện tích đất phù sa ngọt ở đồng bằng Sông Cửu Long là bao nhiêu?**

A.1,2 triệu ha B.1,3 triệu ha C. 1,4 triệu ha D. 1,5 triệu ha

**Câu 37: Ngành Dịch vị của Đông Nam Bộ chiếm bao nhiêu % trong GDP cả nước năm năm 2002?**

A.34,2% B.34,3% C.34,4% D.34,5%

**Câu 38: Giao thông đường thủy giữ vai trò quan trọng trong đời sống và hoạt động giao lưu kinh tế của cùng đồng bằng song Cửu Long đúng hay sai?**

 A.Đúng B.Sai

**Câu 39: Trong tổng sản lượng thủy sản của cả nước, đồng bằng sông Cửu Long luôn chiếm khoảng…**

A.Hơn 20% B.hơn 40% C. Hơn 50% D.Hơn 80%

**Câu 40: Trong sản xuất lương thực, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có:**

A.năng suất lúa cao nhất nước ta

B.diện tích lúa đứng thứ 2 nước ta.

C.bình quân lương thực đầu người cao nhất nước ta

D.sản lượng gạo xuất khẩu lớn thứ 2 cả nước.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 1** | **KIỂM TRA GIỮA KỲ II MÔN ĐỊA LÍ 9** **Thời gian: 45 phút** |
|  |  |

**Đáp án – biểu điểm**

**Mỗi đáp án đúng 0,25 đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **A** | **A** | **C** | **D** | **B** | **A** | **B** | **C** | **C** | **B** |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đáp án** | **C** | **D** | **C** | **A** | **D** | **D** | **A** | **B** | **B** | **B** |
| **Câu** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** |
| **Đáp án** | **D** | **B** | **C** | **A** | **B** | **C** | **D** | **C** | **A** | **D** |
| **Câu** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| **Đáp án** | **A** | **D** | **C** | **A** | **C** | **A** | **D** | **A** | **C** | **C** |

|  |  |
| --- | --- |
| HỌ TÊNLỚP : |  **KIỂM TRA GIỮA KỲ II MÔN ĐỊA LÍ 9** **NĂM HỌC 2021-2022** **Thời gian: 45 phút****ĐỀ 2** |

**Chọn phương án đúng:**

**Câu 1**: **Sông nào không chảy trong vùng Đông Nam Bộ?**

A.Sông Đồng Nai B.Sông Bé C.Sông Sài Gòn D. Sông Ba

**Câu 2: Đặc điểm cơ cấu GDP của ĐNB là:**

A.khu vực nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỉ trọng lớn nhất

B. Khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm tỉ trọng lớn nhất

C.khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn nhất

D. cả 3 khu vực có tỉ trọng tương đương.

**Câu 3: Trung tâm công nghiệp lớn nhất ĐNB là?**

A.Thủ Dầu Một B.Biên Hòa C.TP. Hồ Chí Minh D. Vũng Tàu

**Câu 4: Cho bảng số liệu sau:**

Tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, năm 2015 (Đơn vị: Triệu USD)

|  |  |
| --- | --- |
| Vùng | Vốn đầu tư |
| Cả nước | 281.882,5 |
| Đông Nam Bộ | 122544,5 |
| Vùng khác | 159338,0 |

Vùng ĐNB chiếm bao nhiêu % tổng số vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 2015?

A.43,5% B.56,6% C.34,4% D.65,6%

**Câu 5: Cây công nghiệp nào sau đây có diện tích lớn nhất Đông Nam Bộ?**

A.Cà phê B.Cao su C.Điều D.Chè

**Câu 6: Ngành công nghiệp ở Đông Nam Bộ không có đặc điểm nào sau đây?**

A.Công nghiệp chiếm tỉ trọng lớn trong GDP B.Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng

C.Trung tâm công nghiệp lớn nhất là Biên Hòa D.Các trung tâm công nghiệp dày đặc

**Câu 7: Vùng Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với vùng nào sau đây?**

A.Bắc Trung Bộ B.Duyên hải Nam Trung Bộ C.Tây Nguyên D.Đông Nam Bộ

**Câu 8: Ý nào sau đây không phải đặc điểm vị trí địa lí của vùng ĐNB?**

A.Tiếp giáp với Lào và Cam-pu-chia B.Tiếp giáp với vùng Bắc Trung Bộ.

C.Có vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng giàu khí D. Gần đường hàng hải quốc tế.

**Câu 9: Những tỉnh nào sau đây của ĐNB tiếp giáp với Cam -pu-chia?**

A.Bình Dương, Bình Phước B.Tây Ninh, Bình Phước

C.Đồng Nai, Bà Rịa -Vũng Tàu D.Bình Dương, Đồng Nai.

**Câu 10: Vùng ĐNB không tiếp giáp với vùng nào sau đây?**

A.Duyên hải Nam Trung Bộ B.Bắc Trung Bộ

C.Tây Nguyên D.Đồng bằng sông Cửu Long

**Câu 11: Những thành phố nào sau đây của Đông Nam Bộ tiếp giáp với biển?**

A.TP.Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu B.Đồng Nai, Tây Ninh

C.Bình Dương, Bình Phước D.TP.Hồ Chí Minh, Đồng Nai.

**Câu 12: Ngành chăn nuôi gia súc gia cầm ở Đông Nam Bộ được chú trọng theo phương pháp chăn nuôi công nghiệp đúng hay sai?**

A.Đúng B.Sai

**Câu 13**: **Trung tâm kinh tế lớn nhất đồng bằng sông Cửu Long là?**

A.Mỹ Tho B.Long xuyên C.Cần Thơ D.Cà Mau

**Câu 14: Khu vực đất liền của ĐNB không có đặc điểm tự nhiên nào sau đây?**

A.Địa hình thoải B.Nhiều đất bazan, đất xám.

C.Khí hậu cận xích đạo D.Thềm lục địa nông.

**Câu 15: Khó khăn lớn nhất về khí hậu đối với đời sống và sản xuất ở Đông Nam Bộ là gì?**

1. Lũ lụt thường xuyên B.Mùa khô kéo dài 4 -5 tháng

C.Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc D.Triều cường dâng cao.

**Câu 16: Để biểu hiện cơ cấu sản lượng thủy sản và giá trị sản xuất thủy sản của đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước, thích hợp nhất là biểu đồ:**

A.Tròn B.Cột C.Miền D.Kết hợp

**Câu 17: Nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản của ĐBSCL với cả nước năm 2014?**

A.Chiếm 59% cả nước B.Chiếm 57,2% cả nước

C. Chiếm 57,1% cả nước. D. Chiếm 50% cả nước.

**Câu 18: Tài nguyên nào sau đây có trữ lượng lớn và giá trị kinh tế cao ở Đông Nam Bộ?**

A.Bôxit B.Sét, cao lanh C.Dầu mỏ D.Nước khoáng

**Câu 19: Quần đảo nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ**

A.Lý sơn B.Phú Quốc C. Côn Đảo D.Thổ Chu

**Câu 20: Trong việc phát triển kinh tế, ĐNB không gặp những khó khăn nào về tự nhiên sau đây?**

A.Trên đất liền ít khoáng sản B.Thềm lục địa nông, rộng

C.Diện tích rừng tự nhiên thấp. D.Nguy cơ ô nhiễm môi trường.

**Câu 21: Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với biển Đông ở phía?**

A.Tây B.Bắc C.Đông Nam D.Tây, Nam

**Câu 22: Tỉnh nào sau đây của đồng bằng sông Cửu Long không giáp biển?**

A.Bến Tre B.Bạc Liêu C.Trà Vinh D.An Giang

**Câu 23: Trong cơ cấu công nghiệp vùng ĐB.sông Cửu Long, ngành có tỉ trọng lớn nhất là?**

A. Sản xuất hàng tiêu dùng B.Sản xuất vật liệu xây dựng

C. Chế biến lương thực, thực phẩm D.Cơ khi nông nghiệp

**Câu 24: Loại đất nào sau đây có giá trị kinh tế lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long?**

A.Đất phù sa ngọt B.Đất phèn B.Đất mặn D.Đất feralit

**Câu 25: Biển – đảo của vùng đồng bằng sông Cửu Long không có đặc điểm nào sau đây?**

A.Nguồn hải sản phong phú B.Biển ấm, ngư trường rộng lớn

C.Có nhiều đảo và quần đảo D.Dầu mỏ có trữ lượng lớn nhất nước ta.

**Câu 26:Khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Đất phèn, đất mặn chiếm bao nhiêu triệu ha** ?

A.2,2 triệu ha B.2,3 triệu ha C.2,4 triệu ha D.2,5 triệu ha

**Câu 27:Cây ăn quả được trồng nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long là?**

A.xoài, dừa, cam, bưởi B.vải thiều, nhãn, táo C.chuối, cam, nhãn D.vải thiều, bưởi, dừa

**Câu 28: Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa lần lượt thuộc tình/thành phố nào?**

A.Quảng Ninh, Khánh Hoà B.Quảng Ngãi, Đà Nẵng

C.Đà Nẵng, Khánh Hoà D. Khánh Hoà, Đà Nẵng

**Câu 29: Các địa phương ở Đông Nam Bộ đang đầu tư để bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn, xây dựng hồ chứa nước và gìn giữ sự đa dạng sinh học của rừng ngập mặn ven biển là đúng hay sai?**

A. Đúng B. Sai

**Câu 30: Khó khăn trong sản xuất công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là ?**

A. Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

B. Chất lượng môi trường đang bị suy giảm.

C. Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất,Chất lượng môi trường đang bị suy giảm.

D. Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, thiếu nhân công

**Câu 31: Diện tích đất phù sa ngọt ở đồng bằng Sông Cửu Long là bao nhiêu?**

A.1,2 triệu ha B.1,3 triệu ha C. 1,4 triệu ha D. 1,5 triệu ha

**Câu 32: Ngành Dịch vị của Đông Nam Bộ chiếm bao nhiêu % trong GDP cả nước năm năm 2002?**

A.34,2% B.34,3% C.34,4% D.34,5%

**Câu 33: Giao thông đường thủy giữ vai trò quan trọng trong đời sống và hoạt động giao lưu kinh tế của cùng đồng bằng song Cửu Long đúng hay sai?**

 A.Đúng B.Sai

**Câu 34: Trong tổng sản lượng thủy sản của cả nước, đồng bằng sông Cửu Long luôn chiếm khoảng…**

A.Hơn 20% B.hơn 40% C. Hơn 50% D.Hơn 80%

**Câu 35: Trong sản xuất lương thực, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có:**

A.năng suất lúa cao nhất nước ta

B.diện tích lúa đứng thứ 2 nước ta.

C.bình quân lương thực đầu người cao nhất nước ta

D.sản lượng gạo xuất khẩu lớn thứ 2 cả nước.

**Câu 36: Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây trồng ở ĐNB là**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thủy lợi  | B. Phân bón  |
| C. Bảo vệ rừng đầu nguồn  | D. Phòng chống sâu bệnh |

**Câu 37: Ngành nông nghiệp ở Đông Nam Bộ không có thế mạnh về:**

|  |  |
| --- | --- |
| A. cây ăn quả | B. cây công nghiệp lâu năm |
| C. cây công nghiệp hàng năm | D. cây lương thực |

**Câu 38: Nhà máy thủy điện nào sau đây không thuộc vùng Đông Nam Bộ?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Trị An | B. Cần Đơn | C. Đa Nhim | D. Thác Mơ |

**Câu 39:Thành phố Hồ Chí Minh luôn dẫn đầu hoạt động xuất khẩu của vùng Đông Nam Bộ đúng hay sai?**

A.Đúng B.Sai

 **Câu 40: Cho bảng số liệu “Sản lượng dầu thô khai thác và dầu thô xuất khẩu nước ta năm 2000 – 2015 (triệu tấn)”**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sản lượng | 2000 | 2005 | 2010 | 2015 |
| Dầu thô khai thác | 16,3 | 18,5 | 15,0 | 18,7 |
| Dầu thô xuất khẩu | 15,4 | 18,0 | 8,1 | 9,2 |

**Nhận xét nào sau đây không đúng với bảng số liệu trên?**

A.Dầu thô khai thác có nhiều biến động qua các năm.

B.Dầu thô xuất khẩu có nhiều biến động.

C.Dầu thô khai thác luôn lớn hơn dầu thô xuất khẩu.

D.Dầu thô khai thác nhỏ hơn dầu thô xuất khẩu

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 2** | **KIỂM TRA GIỮA KỲ II MÔN ĐỊA LÍ 9** **Thời gian: 45 phút** |
|  |  |

**Đáp án – biểu điểm**

**Mỗi đáp án đúng 0,25 đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **D** | **B** | **C** | **A** | **B** | **C** | **D** | **B** | **B** | **B** |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đáp án** | **A** | **A** | **C** | **D** | **B** | **A** | **B** | **C** | **C** | **B** |
| **Câu** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** |
| **Đáp án** | **C** | **D** | **C** | **A** | **D** | **D** | **A** | **C** | **A** | **C** |
| **Câu** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| **Đáp án** | **A** | **D** | **A** | **C** | **C** | **A** | **D** | **C** | **A** | **D** |

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II ĐỊA LÝ 9**

**Thời gian: 45 phút.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  Cấp độPhân môn | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Cộng |
| TNKQ | TL |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| *Đông Nam Bộ* | Các tỉnh, tiếp giáp, khoáng sản |  | điều kiện tự nhiên, công nghiệp, nông nghiệp |  | Vốn đầu tư, giá trị sản xuất của TP HC M |  |  |
| *Số câu:* *Số điểm:* *Tỉ lệ:*  | *Số câu: 5**1,25điểm = 10%* |  | *Số câu: 9**2,25,điểm = 22,5%* |  | *2**0.5 = .5%* | *1**0.25 đ= 2.5%* | *: 17**3,25 =32,5%* |
| Vùng Đồng bằng sông Cửu Long | Diện tích, vị trí, ngành chiếm tỉ trọng, giao thông vận tải |  | Diện tích đất, công nghiệp, nông nghiệp, du lịch |  | Giá trị sản xuấ công nghiệp |  |  |
| *Số câu:* *Số điểm:*  | *4**1**10%* |  | *: 8**:2=20%* |  | *1**0.25 = 2.5%* |  | *: 13**3.25 = 32.5%* |
| Thực hành |  |  | *Biểu đồ miền*  |  | Phân tích số liệu |  |  |
| *Số câu:* *Số điểm:* *Tỉ lệ:*  |  |  | *1**0,25**2,5%* |  | *1**0,25**2,5%* |  |  *2**0,5 =5%.* |
| *Tổng số câu:**Tổng số điểm:* *Tỉ lệ:*  | *12**3đ**30%* |  | *22câu**5,5 điểm = 55%* |  | *Số câu: 5**Số điểm: 1,25đ= 12,5%* | *1câu**0,25điểm = 0,25%* | *Số câu: 40**Số điểm: 10* |